|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH**  Số: 2349 /QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 8 năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền**

**giải quyết của Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện, cấp xã**

**trên địa bàn** **tỉnh Hà Tĩnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tảitại Văn bản số 2001/TTr-SGTVT-VP ngày 18/7/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chínhthuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; thay thế các Quyết định của UBND tỉnh, số: 1837/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 về việccông bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải; số 3723/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 và số 3724/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 về việc công bố TTHC ngành Giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| Description: Description: Description: Description: https://ssl.gstatic.com/ui/v1/icons/mail/images/cleardot.gif***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;  - Trung tâm HCC tỉnh;  - Trung tâm CB-TH tỉnh;  - Lưu: VT, KSTT. | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  (Đã ký)  **Dương Tất Thắng** |

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2349 /QĐ-UBND ngày 07 /8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**A. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

| **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Lĩnh vực Đường bộ (67 TTHC)** | | | | |
|  | Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm  Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh  Hà Tĩnh) | Lệ phí 135.000 đồng/ giấy phép. | - Thông tư số 12/2017/TT- BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.  - Thông tư số 188/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.  - Quyết định số 1235/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng bộ GTVT về việc công bố sửa đổi, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. |
|  | Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ quốc phòng cấp | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: 135.000 đồng/giấy phép. | Nt |
|  | Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: 135.000 đồng/giấy phép. | Nt |
|  | Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: 135.000 đồng/giấy phép. | Nt |
|  | Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: 135.000 đồng/giấy phép. | Nt |
|  | Cấp lại giấy phép lái xe | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định hoặc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch | Nt | - Lệ phí sát hạch lý thuyết: 90.000 đồng/giấy phép;  - Lệ phí sát hạch thực hành: 360.000 đồng/giấy phép;  - Lệ phí cấp GPLX: 135.000 đồng/giấy phép. | Nt |
|  | Cấp mới giấy phép lái xe | 01 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kỳ sát hạch ô tô | Nt | - Lệ phí cấp GPLX: 135.000 đồng/giấy phép.  - Phí sát hạch lái xe:  + Đối với hạng xe A1, A2, A3, A4: sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần; sát hạch thực hành: 50.000đ/lần.  + Đối với hạng xe B1, B2, C, D, E, F: sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần; sát hạch trong hình: 300.000 đ/lần; sát hạch trên đường: 60.000 đ/lần. | NT |
|  | Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe | 01 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Trường hợp cá nhân không đạt kết quả, Sở Giao thông vận tải sẽ thông báo bằng văn bản. | Nt | Lệ Phí: Không | - Nghị định số 65/2016/NĐ- CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.  - Quyết định số 2784/QĐ-BGTVT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | Cấp Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | - Nghị định số 65/2016/NĐ- CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.  - Thông tư số 79/2015/TT- BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.  - Quyết định số 2784/QĐ-BGTVT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. |
|  | Đăng ký khai thác tuyến | a) Đối với các tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh:  **05** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ.  b) Đối với các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh:  **01** ngày làm việc, kể từ ngày nhận  đủ hồ sơ  hợp lệ. | Nt | Lệ Phí: Không | - Nghị định số 86/2014/NĐ- CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ôtô.  - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.  - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải  - Quyết định số 2784/QĐ-BGTVT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. |
|  | [Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=256273&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước cộng hoà dân chủ nhân dân Lào ký ngày 23/04/2009;  - Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước cộng hoà dân chủ nhân dân Lào ký ngày 15/9/2010;  - Thông tư số 88/2014/TT- BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ CHXHCN Việt nam và Chính phủ nước cộng hoà dân chủ nhân dân Lào;  - Thông tư số 188/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.  - Quyết định 3310/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2015 của Bộ GTVT về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải |
|  | [Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=256273&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | [Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ](file:///C:\HONGHA\AppData\Local\Temp\Rar$DIa0.755\Noi%20dung%20tthc%20chuẩn%20hóa%206.2018.doc#QLGT_14) | 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kiểm định cầu đường thì thời hạn xem xét cấp không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm định cầu đường. | Nt | Lệ phí: Không | - Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.  - Quyết định số 2784/QĐ-BGTVT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT |
|  | [Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường tỉnh và quốc lộ được giao quản lý](file:///C:\HONGHA\AppData\Local\Temp\Rar$DIa0.755\Noi%20dung%20tthc%20chuẩn%20hóa%206.2018.doc#QLGT_15) | 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | - Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/09/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/ 2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.  - Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.  - Quyết định số 3133/QĐ-BGTVT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố bổ sung, sửa đổi thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tả. |
|  | [Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường tỉnh và quốc lộ được giao quản lý](file:///C:\HONGHA\AppData\Local\Temp\Rar$DIa0.755\Noi%20dung%20tthc%20chuẩn%20hóa%206.2018.doc#QLGT_16) | 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
|  | [Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường tỉnh và quốc lộ đang khai thác được giao quản lý.](file:///C:\HONGHA\AppData\Local\Temp\Rar$DIa0.755\Noi%20dung%20tthc%20chuẩn%20hóa%206.2018.doc#QLGT_17) | 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
|  | [Cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.](file:///C:\HONGHA\AppData\Local\Temp\Rar$DIa0.755\Noi%20dung%20tthc%20chuẩn%20hóa%206.2018.doc#QLGT_18) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
|  | [Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường tỉnh và quốc lộ được giao quản lý.](file:///C:\HONGHA\AppData\Local\Temp\Rar$DIa0.755\Noi%20dung%20tthc%20chuẩn%20hóa%206.2018.doc#QLGT_19) | 07 ngày  làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
|  | Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác | 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định | Nt | Lệ phí: Không | - Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ.  - Quyết định số 3110/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. |
|  | Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác | 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định | Nt | Lệ phí: Không | - Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ.  - Quyết định số 3110/QĐ -BGTVT ngày 28/8/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. |
|  | Cấp giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng  quy định. | Nt | Lệ phí: Không | - Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủcác nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.  - Quyết định số 3110/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. |
|  | Cấp lại giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam | 02 ngày làm việc, kể từ ngày hận đủ hồ sơ đúng quy định. | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
|  | Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: 300.000 đồng/01 thiết kế. | - Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;  - Thông tư số 238/2016/TT- BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.  - Quyết định số 3110/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. |
|  | [Cấp giấy phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường tỉnh và quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý.](file:///C:\HONGHA\AppData\Local\Temp\Rar$DIa0.755\Noi%20dung%20tthc%20chuẩn%20hóa%206.2018.doc#QLGT_25) | 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;  - Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/ 2010/ NĐ- CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
|  | [Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào đường tỉnh và Quốc lộ được giao quản lý](file:///C:\HONGHA\AppData\Local\Temp\Rar$DIa0.755\Noi%20dung%20tthc%20chuẩn%20hóa%206.2018.doc#QLGT_26) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
|  | [Cấp giấy phép thi công nút giao đấu nối vào đường tỉnh và quốc lộ được giao quản lý](file:///C:\HONGHA\AppData\Local\Temp\Rar$DIa0.755\Noi%20dung%20tthc%20chuẩn%20hóa%206.2018.doc#QLGT_27) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ. | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
|  | [Gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào đường tỉnh và Quốc lộ được giao quản lý](file:///C:\HONGHA\AppData\Local\Temp\Rar$DIa0.755\Noi%20dung%20tthc%20chuẩn%20hóa%206.2018.doc#QLGT_28) | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
|  | [Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đấu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ được giao quản lý](file:///C:\HONGHA\AppData\Local\Temp\Rar$DIa0.755\Noi%20dung%20tthc%20chuẩn%20hóa%206.2018.doc#QLGT_29) | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
|  | [Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh và Quốc lộ được giao quản lý đang khai thác](file:///C:\HONGHA\AppData\Local\Temp\Rar$DIa0.755\Noi%20dung%20tthc%20chuẩn%20hóa%206.2018.doc#QLGT_30) | **04** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
|  | Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định đối với 02 doanh nghiệp, hợp tác xã trở lên; đăng ký khai thác tuyến trùng tuyến, giờ là 02 ngày. | Nt | Lệ phí: Không | - Nghị định số 86/2014/NĐ- CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ôtô.  - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.  - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải  - [Thông tư số 92/2015/TT-BGTVT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=111610) ngày 31/12/2015 Quy định về quy trình lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô |
|  | Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định | Nt | Lệ phí: Không | Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ. |
|  | Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng  quy định. | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
|  | [Cấp phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=443018&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | **01** ngày làm việc đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương và **04** ngày làm việc đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương. | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | [Cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công – ten - nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=443018&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | **01** ngày làm việc đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương và **04** ngày làm việc đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương. | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | Cấp Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Trung tâm Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (Số 02A, Nguyễn Chí Thanh, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) | Lệ Phí: Không | - Nghị định số 86/2014/NĐ- CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ôtô;  - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.  - Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch. |
|  | Cấp lại Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | [Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=256827&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | Cấp Phù hiệu Xe trung chuyển | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với xe thuộc tỉnh, 4 ngày đối với xe đăng ký  ngoại tỉnh | Nt | Lệ Phí: Không | - Nghị định số 86/2014/NĐ- CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ôtô.  - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.  - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải |
|  | Cấp cấp lại phù hiệu xe trung chuyển | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với xe thuộc tỉnh, 4 ngày đối với xe đăng ký  ngoại tỉnh | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | Cấp phù hiệu Xe nội bộ | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với xe thuộc tỉnh, 4 ngày đối với xe đăng ký  ngoại tỉnh | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | Cấp lại phù hiệu Xe nội bộ | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác. | 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | Công bố đưa bến xe khách vào khai thác. | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | - Thông tư 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách;  - Thông tư 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách (sửa đổi lần 1 năm 2015). |
|  | Công bố lại bến xe khách vào khai thác. | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | Gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào. | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ CHXHCN Việt nam và Chính phủ nước cộng hoà dân chủ nhân dân Lào ký ngày 23/04/2009;  - Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ CHXHCN Việt nam và Chính phủ nước cộng hoà dân chủ nhân dân Lào ký ngày 15/9/2010;  - Thông tư số 88/2014/TT- BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ CHXHCN Việt nam và Chính phủ nước cộng hoà dân chủ nhân dân Lào;  - Thông tư số 188/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
|  | [Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=256842&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: 200.000 đồng/lần | - Thông tư số 20/2010/TT - BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư số 59/2011/TT - BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi một số điều Thông tư số 20/2010/TT - BGTVT ngày 30/7/2010 Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư số 188/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí:  - Cấp lại giấy đăng ký kèm theo biển số 200.000 đồng/lần cấp.  - Cấp lại giấy đăng ký không kèm theo biển số 50.000 đồng/lần cấp. | Nt |
|  | [Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=256849&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí:  - Sang tên giấy đăng ký kèm theo biển số 200.000 đồng/lần cấp.  - Sang tên giấy đăng ký không kèm theo biển số 50.000 đồng/lần cấp. | Nt |
|  | [Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=256848&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp. | Nt |
|  | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp. | Nt |
|  | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp. | Nt |
|  | Xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không. | Nt |
|  | Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 50.000 đồng/lần cấp. | Nt |
|  | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | - Đổi giấy đăng ký kèm theo biển số 200.000 đồng/lần cấp;  - Đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số 50.000 đồng/lần cấp. | Nt |
|  | Cấp Giấy phép lái xe tập lái | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | Nghị định số 65/2016/NĐ- CP ngày 01/7/2015 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. |
|  | Cấp lại Giấy phép lái xe tập lái | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ  sơ hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | - Nghị định số 65/2016/NĐ- CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.  - Thông tư số 79/2015/TT- BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ. |
|  | Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | - Nghị định số 86/2014/NĐ- CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ôtô.  - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.  - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải |
|  | [Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=256651&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ Phí: Không | Nt |
|  | Xác nhận xe thuộc đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không. | Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ. |
|  | Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông | - Dự án nhóm B: 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ  - Dự án nhóm C: 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Phí thẩm định: Theo Biểu mức phí quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính | - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ Về quản lý dự án đầu tư xây dựng;  - Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng  - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;  - Căn cứ Thông tư 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng. |
|  | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | 10 ngày làm việc, kể từ ngày  nhận đủ hồ  sơ hợp lệ | Nt | Phí thẩm định: Theo Biểu mức phí quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính | Nt |
|  | Thẩm định phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình giao thông | 20 ngày làm  việc, kể từ  ngày nhận  đủ hồ sơhợp lệ (Sở Giao  thông vận  tải 15 ngày,  Văn phòng  UBND tỉnh  5 ngày) | Nt | Phí thẩm định: Theo Biểu mức phí quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính | Nt |
| **II** | **Lĩnh vực Đường thủy nội địa (39 TTHC)** | | | | |
| 1 | [Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-tthc.aspx?path=tthc-bo-nganh&ItemID=515641) | - Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: 03 ngày làm việc  - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ cơ sở đào tạo: 04 ngày làm việc. | Nt | Lệ phí: Không | - Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.  - Quyết định số 2085a /QĐ-BGTVT ngày 01/7/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố bổ sung thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải |
| 2 | [Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-tthc.aspx?path=tthc-bo-nganh&ItemID=515636) | 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 3 | [Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=457061&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 04ngày làm việc, kể từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi | Nt | - Học phí học do cơ sở dạy nghề xây dựng theo quy định và thỏa thuận với học viên;  - Phí sát hạch và thi cấp bằng thuyền trưởng hạng 3: 190.000 đồng/lần  - Phí sát hạch và thi cấp bằng thuyền trưởng hạng 4: 150.000 đồng/lần  *- Phí sát hạch và thi cấp bằng máy trưởng hạng 3: 140.000 đồng/lần*  - Mức lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 50.000 đồng/giấy phép | - Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải Quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thuỷ nội địa;  - Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.  - Quyết định số 416/QĐ-BGTVT ngày 15/2/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải |
| 4 | [Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=457062&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 05ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | + Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn: 50.000 đồng/giấy chứng nhận  + Chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/chứng chỉ | Nt |
| 5 | Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Nt | Lệ phí: Không | - Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ GTVT quy định về quản lý cảng biển, bến thủy nội địa.  - Quyết định số 3310/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải |
| 6 | Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa | 05ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định. | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 7 | Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định. | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 8 | Công bố lại cảng thủy nội địa. *(không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi địa giới hành chính địa phương)* | 03 ngày làm  việc, kể  từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 9 | Công bố hoạt động cảng thủy nội địa *(không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi địa giới hành chính địa phương)* | 05 ngày làm  việc, kể  từ ngày nhận được hồ sơ  theo quy định. | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 10 | Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa *(không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi địa giới hành chính địa phương)* | 07 ngày làm  việc, kể  từ ngày nhận được hồ sơ  theo quy định. | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 11 | Chấp thuận đơn vị tư vấn giám sát dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn giám sát. | Nt | Lệ phí: Không | -Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 9/11/2015 quy định về nạo vét luồng đường thủy, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.  - Quyết đinh số 2784/QĐ-BGTVT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. |
| 12 | Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế | 15 ngày làm  việc, kể từ ngày  nhận đủ hồ  sơ hợp lệ. | Nt | Lệ phí: Không | - Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 5/8/2013 quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa.  - Quyết định số 3310/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. |
| 13 | [Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=252856&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 01ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | - Nghị định số 80/2008/-NĐ-CP ngày 29/7/2008 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;  - Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa;  - Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.  - Quyết định số 3310/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2015 của Bộ trưởng bộ GTVT về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải |
| 14 | [Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=252856&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 01ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 15 | Phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa | 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo  quy định. | Nt | Lệ phí: Không | - Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 9/11/2015 quy định về nạo vét luồng đường thủy, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.  - Quyết định số 3110/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2015 của Bộ GTVT về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. |
| 16 | [Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=252859&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 01ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | - Nghị định số 80/2008/-NĐ-CP ngày 29/7/2008 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;  - Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa;  - Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.  - Quyết định 3310/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2015 của Bộ GTVT về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải |
| 17 | [Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=252860&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 01ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 18 | [Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=252861&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 01ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 19 | [Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=252862&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 01ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 20 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện | 01ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 21 | [Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=252858&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 01ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 22 | Xoá Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện | 01ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 23 | Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với các công trình thi công liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối với đường thuỷ nội địa địa phương | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Nt | Lệ phí: Không | Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa |
| 24 | Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thuỷ nội địa địa phương | 05 ngày làm  việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 25 | Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thuỷ nội địa địa phương | 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 26 | Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối với đường thuỷ nội địa địa phương | 04 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 27 | Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Nt | Lệ phí: Không | Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ GTVT quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa |
| 28 | [Dự kiểm tra lấy chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=457064&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 02ngày làm  việc, kể từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả  kiểm tra. | Nt | - Học phí học do cơ sở dạy nghề xây dựng theo quy định và thỏa thuận với học viên;  - Mức lệ phí cấp chứng chỉ : 20.000 đồng/chứng chỉ | - Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải Quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thuỷ nội địa;  - Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt. |
| 29 | Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam. | 03ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | - Nghị định số 110/2014/-NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ Quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;  - Thông tư số 80/2014/TT- BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa. |
| 30 | Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông. | 03ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 31 | Cấp Biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch | 10ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 32 | Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biển hiệu hết hiệu lực | 10ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 33 | [Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biển hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=298242&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Giao%20th%C3%B4ng%20v%E1%BA%ADn%20t%E1%BA%A3i) | 01ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 34 | Thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Nt | Lệ phí: Không | Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ GTVT quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa; |
| 35 | Chấp thuận chủ trương nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa (đối với dự án trong danh mục dự án đã công bố) | 09 ngày làm  việc kể từ ngày nhận hồ  sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 9/11/2015 của Bộ GTVT quy định về nạo vét luồng đường thủy, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm. |
| 36 | Đề xuất thực hiện Dự án nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa (đối với dự án ngoài danh mục dự án đã công bố) | 10 ngày làm việc kể từ khi nhập đủ hồ sơ hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 37 | Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương | 07 ngày làm  việc, kể từ ngày nhận đủ hồ  sơ hợp lệ. | Nt | Lệ phí: Không | Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa |
| 38 | Công bố mở luồng, tuyến đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 39 | Công bố đóng luồng, tuyến đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối với đường thuỷ nội địa địa phương | 04 ngày làm  việc, kể từ ngày nhận được văn  bản đề nghị | Nt | Lệ phí: Không | Nt |

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2349 /QĐ-UBND ngày 07 /8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Căn cứ pháp lý** |
| **I** | **Lĩnh vực đường bộ (5 TTHC)** | | | | |
| 1 | Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện quản lý. | 05ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện | Lệ phí: Không | - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ- CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.  - Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.  - Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 4/8/2016 của UBND tỉnh quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. |
| 2 | Cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện quản lý. | 05ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 3 | Cấp phép thi công trên đường bộ đang khai thác thuộc huyện quản lý. | 05ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 4 | Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào đường huyện quản lý | 05ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| 5 | Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường huyện quản lý. | 05ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Nt |
| **II** | **Lĩnh vực đường thủy (9 TTHC)** | | | | |
| 1 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa lần đầu đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | - Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa;  - Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt. |
| 2 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa lần đầu đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 3 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 4 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 5 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 6 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 7 | Cấp lại giấy chứng nhận, đăng ký phương tiện thuỷ nội địa có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp trong trường hợp phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 8 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 9 | Xoá đăng ký phương tiện thuỷ nội địa phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa. |

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2349 /QĐ-UBND ngày 07 /8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Căn cứ pháp lý** |
| **II** | **Lĩnh vực đường thủy (9 TTHC)** | | | | |
| 1 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện **chưa** khai thác trên đường thủy nội địa. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | - Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa;  - Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt. |
| 2 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện **đang** khai thác trên đường thủy nội địa. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 3 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 4 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 5 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 6 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 7 | Cấp lại giấy chứng nhận, đăng ký phương tiện thuỷ nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 8 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Nt |
| 9 | Xoá đăng ký phương tiện thuỷ nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người. | 02ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  hợp lệ | Nt | Lệ phí: Không | Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa. |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

**I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

**1. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện quản lý.**

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc mạng điện tử thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, theo mẫu;

- 01 (một) bộ hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ. Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa. Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND huyện, thành phố, thị xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

8. Lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):

Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

- Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 4/8/2016 của UBND tỉnh quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Phụ lục 1**

*(Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT)*

# (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/............. ..............., *ngày*........ *tháng*........*năm* ......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi ……………………….. (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (…5…..)

( …2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (…..7…..)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: …..

Số điện thoại: …….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - ………….; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**2. Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện quản lý.**

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc mạng điện tử thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình, theo mẫu tại phụ lục 4 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT (bản chính);

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

- 02 (hai) bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

+ Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện: Quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ. Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa. Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế.

+ Biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công, phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND huyện, thành phố, thị xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Có

Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình, theo mẫu tại phụ lục 4 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008.

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ- CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

- Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 4/8/2016 của UBND tỉnh quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Phụ lục 4**

*(Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của BGTVT)*

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/............. .............., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (…3…)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh.

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (…5..);

(…..2….) đề nghị được cấp phép thi công (…6…) tại (…7…). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày …tháng … năm ... đến hết ngày …tháng … năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (…5…) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (…8…) (bản chính)..

+ (…9…)

(…2…) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(…2…) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(…2…) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (…10…) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (…2…) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ………

Số điện thoại: ..............

***Nơi nhận:***

(……2…..)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ph**

- Như trên;

- Lưu VT.

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị:***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, tỉnh lộ;

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (…2…) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

*Ghi chú: Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

3**. Cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác thuộc huyện quản lý.**

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm Hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình, theo mẫu tại phụ lục 4 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT (bản chính);

- Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND huyện, thành phố, thị xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): có

Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình, theo mẫu tại phụ lục 4 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT (bản chính);

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ- CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Quyết định số số 37/2016/QĐ-UBND ngày 4/8/2016 của UBND tỉnh quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Phụ lục 4**

*(Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của BGTVT)*

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/............. .............., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (…3…)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh.

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (…5..);

(…..2….) đề nghị được cấp phép thi công (…6…) tại (…7…). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày …tháng … năm ... đến hết ngày …tháng … năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (…5…) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (…8…) (bản chính)..

+ (…9…)

(…2…) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(…2…) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(…2…) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (…10…) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (…2…) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ………

Số điện thoại: ..............

***Nơi nhận:***

(……2…..)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ph**

- Như trên;

- Lưu VT.

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị:***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, tỉnh lộ;

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (…2…) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

*Ghi chú: Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

**4. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào đường huyện quản lý.**

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT;

- Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); hoặc văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đấu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

- Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND huyện, thành phố, thị xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: văn bản chấp thuận.

8. Lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): có

Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT;

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ- CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 4/8/2016 của UBND tỉnh quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Phụ lục 3**

*(Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT)*

# (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/............. ..............., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO**

**ĐƯỜNG NHÁNH ĐẤU NỐI VÀO ĐƯỜNG......**

Chấp thuận xây dựng **(**…3…)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5...)

(…..2….) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối (…6…).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

*+ Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ và đường tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của UBND cấp tỉnh cho phép đấu nối đường nhánh vào quốc lộ, đường tỉnh đối với các trường hợp chưa có Quy hoạch các điểm đấu nối (bản sao);*

*+ Văn bản của UBND cấp tỉnh giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch (bản chính)*

*+ Hồ sơ Thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).*

(…2…) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nút giao đấu nối đường nhánh vào Quốc lộ .... Tại Km../phải hoặc trái tuyến và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đấu nối đường nhánh vào Quốc lộ .... Tại Km...+.../phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: ………

Số điện thoại: ..............

***Nơi nhận:***

(……2…..)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ph**

- Như trên;

- ....................;

- Lưu VT.

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, tỉnh lộ, ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/ QL..”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đấu nối đường nhánh theo quy định.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên tỉnh lộ, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải./.

5**. Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường huyện quản lý.**

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục Hành chính tại Trung tâm hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm Hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình, theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT (bản chính);

- Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND huyện, thành phố, thị xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): có

Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình, theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT (bản chính);

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 4/8/2016 của UBND tỉnh quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Phụ lục 4**

*(Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT)*

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/............. .............., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (…3…)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh.

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (…5..);

(…..2….) đề nghị được cấp phép thi công (…6…) tại (…7…). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày …tháng … năm ... đến hết ngày …tháng … năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (…5…) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (…8…) (bản chính)..

+ (…9…)

(…2…) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(…2…) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(…2…) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (…10…) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (…2…) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ………

Số điện thoại: ..............

***Nơi nhận:***

(……2…..)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ph**

- Như trên;

- ....................;

- Lưu VT.

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị:***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương;

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (…2…) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

*Ghi chú: Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

**II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

**1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa lần đầu đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm Hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 2- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

**- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để UBND huyện kiểm tra:**

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

- Trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết:** **02** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND huyện, thành phố, thị xã.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí: Có**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 2- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 02- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*( Dùng cho phương tiện chưa khai thác, đăng ký lần đầu)*

Kính gửi : Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã……………

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu ……........................................................................................

- Trụ sở chính:(1)…………………………..……………………….………

- Điện thoại:…………………..………..Email:………………….…..……..

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thuỷ nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện:................................... Ký hiệu thiết kế:..............................

Công dụng:...............................................................................................................

Năm và nơi đóng:.....................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:..................................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:...................m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:.................m

Chiều cao mạn:.....................................m Chiều chìm:...............................m

Mạn khô:...............................................m Trọng tải toàn phần:.................tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:...........................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:...........................................

....................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:.....................................................................................................

Giấy phép nhập khẩu số *(nếu có)*: ...................... ngày........ tháng......... năm 20.......

Do cơ quan ..........................................................................................................cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:....................................

............................................... do cơ quan ..........................................................cấp.

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số..........................ngày.........tháng........năm 200........

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20...* **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu

**2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội lần đầu đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp phương tiện *đang khai thác* trên đường thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục Hành chính tại Trung tâm hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm Hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

**\* *Đối với phương tiện đang khai thác trước ngày 01/01/2005:***

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 4- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

**- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để UBND huyện, thành phố, thị xã kiểm tra:**

*+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;*

*+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường họp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.*

**\* Đối với phương tiện được đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005:**

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 4- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

**- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để UBND huyện, thành phố, thị xã kiểm tra:**

*+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;*

*+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường họp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.*

*+ Bản chính của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết**: **02** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND huyện, thành phố, thị xã.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí: Có**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 4- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 04- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*( Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)*

Kính gửi : Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã………………

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu ……...........................................................................................

- Trụ sở chính :(1)……………………….……………………………………

- Điện thoại:…………………..………..Email:………………….…………..

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thuỷ nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện:................................... Chiều cao mạn:.....................................m

Năm hoạt động:……………………… Chiều chìm:...........................................m

Công dụng:............................................ Mạn khô:...............................................m

Năm và nơi đóng:................................ Trọng tải toàn phần:…………............tấn

Vật liệu vỏ:........................................ Số người được phép chở:................người

Chiều dài lớn nhất:.......................m Sức kéo, đẩy:........................................tấn

Chiều rộng lớn nhất:............m…………..

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ………………………...……

.......................................................................................................................................

Máy phụ *(nếu có)*:.........................................................................................................

Phương tiện này được (Mua lại, hoặc đóng tại ...):…………………………….…….

……...……….............(Cá nhân hoặc tổ chức)........................................................

Địa chỉ : ................................................................................................................

Thời gian (Mua, tặng, đóng)…….…. ngày..... tháng ..... năm ......

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số .......... ngày ... tháng ...năm 20......

Nay đề nghị Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã…………..đăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| Xác nhận của đại diện chính quyền địa phương cấp phường, xã  *(Nội dung: Xác nhận ông, bà ……………………đăng ký hộ khẩu*  *thường trú tại địa phương có phương tiện nói trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)*  *(Ký tên, đóng dấu)* | *Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*  **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu

**3. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm Hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 6- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa đã được cấp;*

**- Xuất trình bản chính loại giấy tờ sau đây để UBND huyện, thành phố, thị xã kiểm tra:**

*Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết:** **02** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** UBND huyện, thành phố, thị xã.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí: Có**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 6- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 06- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*( Dùng cho phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật)*

Kính gửi : Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã…………….

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu …….......................................................................................

- Trụ sở chính: (1)…………………….……………………………………

- Điện thoại:…………………..……..Email:…………….………………..

**Đang là chủ sở hữu phương tiện có đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: Số đăng ký:......................

do............................................................. cấp ngày........ tháng........ năm ..............

Công dụng:................................................ Ký hiệu thiết kế:..............

Năm và nơi đóng:....................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:................................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:..................m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:...............m

Chiều cao mạn:......................................m Chiều chìm:.............................m

Mạn khô:................................................m Trọng tải toàn phần:...............tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:..........................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ........................................

.................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:..................................................................................................

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện trên với lý do:.................................

................................................................................................................................. *(Nêu các thông số kỹ thuật thay đổi của phương tiện xin đăng ký lại)*

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng kỷ hộ khẩu thường trú hoặc nơi đãng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cả nhân chưa cỏ hộ khẩu thường trú nhưng cỏ đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**4. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký.**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm Hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 7- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa đã được cấp.*

**- Xuất trình bản chính loại giấy tờ sau đây để UBND huyện, thành phố, thị xã kiểm tra:**

*+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường họp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;*

*+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết**: **02** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND huyện, thành phố, thị xã

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí**: Có

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

- Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

*Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 7- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014).*

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.*

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 07- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*( Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

Kính gửi : Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã…………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu ……........................................................................................

- Trụ sở chính: (1)……………………..……………………………………

- Điện thoại:…………………………..Email:………………………….…..

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký lại phương tiện thuỷ nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện:...................................... Số đăng ký:................................

Công dụng:................................................ Ký hiệu thiết kế:.........................

Năm và nơi đóng:....................................................................................................

Cấp tàu:................................................... Vật liệu vỏ:................................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:..................m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:................m

Chiều cao mạn:.....................................m Chiều chìm:.............................m

Mạn khô:...............................................m Trọng tải toàn phần:...............tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:..........................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ..........................................

...................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:....................................................................................................

Phương tiện này được *(Mua lại, hoặc điều chuyển.)*:................................................

.................................. từ *(Ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)*...........................................

Địa chỉ:...............................................................................................................

Đã đăng ký tại................................................... ngày........ tháng........ năm ........

Nay đề nghị.............................................................. đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**5. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký.**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm Hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần. **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 7- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;*

**- Xuất trình bản chính loại giấy tờ sau đây để UBND huyện, thành phố, thị xã kiểm tra:**

*+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trinh giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;*

*+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết**: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** UBND huyện, thành phố, thị xã.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí:** có

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):** có

Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 7- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014)

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải Quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 07- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

Kính gửi : Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã……………

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu ……..........................................................................................

- Trụ sở chính: (1)……………………………………………………………

- Điện thoại:…………………………..Email:………..……………………..

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký lại phương tiện thuỷ nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện:..................................... Số đăng ký:..................................

Công dụng:................................................ Ký hiệu thiết kế:..........................

Năm và nơi đóng:......................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:..................................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:...................m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:.................m

Chiều cao mạn:......................................m Chiều chìm:..............................m

Mạn khô:...............................................m Trọng tải toàn phần:.................tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:...........................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ........................................

.................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:..................................................................................................

Phương tiện này được *(Mua lại, hoặc điều chuyển.)*:..............................................

.................................. từ *(Ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)*.........................................

Địa chỉ:................................................................................................................

Đã đăng ký tại................................................... ngày........ tháng........ năm .........

Nay đề nghị.............................................................. đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa cá hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**6. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục Hành chính tại Trung tâm hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm Hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 8- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.*

**- Xuất trình bản chính loại giấy tờ sau đây để UBND huyện, thành phố, thị xã kiểm tra:**

*Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết: 02** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND huyện, thành phố, thị xã.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí: Có**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 8- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014)

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 08- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*( Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)*

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu ……......................................................................................

- Trụ sở chính: (1)……..…………….…….………………………………

- Điện thoại:………….........................…..Email:………..............……….

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện có đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: ........................................... Số đăng ký:..........................

do............................................................. cấp ngày........ tháng........ năm ..............

Công dụng:............................................. Ký hiệu thiết kế:.........................

Năm và nơi đóng:....................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:.................................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:..................m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:................m

Chiều cao mạn:.....................................m Chiều chìm:.............................m

Mạn khô:...............................................m Trọng tải toàn phần:..............tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:.........................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:

.................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:..................................................................................................

Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện trên theo địa chỉ mới là:...............................

.................................................................................................................................

*( Nêu lý do thay đổi địa chỉ )*

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng cỏ đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**7. Cấp lại giấy chứng nhận, đăng ký phương tiện thuỷ nội địa phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp trong trường hợp phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục Hành chính tại Trung tâm hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm Hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 5- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển;*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

**- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để UBND huyện, thành phố, thị xã kiểm tra:**

*+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;*

*+ Hợp đồng mua bán phương tiện, hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;*

*+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;*

*+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết:** **02** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND huyện, thành phố, thị xã.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí: Có**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

- Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 5- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

*Mẫu số 05- Thông tư* *số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*( Dùng cho phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan*

*đăng ký phương tiện thủy nội địa)*

Kính gửi : Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã…………….

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu …….............................................................................

- Trụ sở chính:(1)…………………………..……………………………..

- Điện thoại:…………………..………..Email:…………………………..

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thuỷ nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện:................................... Ký hiệu thiết kế:.......................

Công dụng:.............................................................................................................

Năm và nơi đóng:...................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:...........................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:............m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:..........m

Chiều cao mạn:.....................................m Chiều chìm:.......................m

Mạn khô:...............................................m Trọng tải toàn phần:.........tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:....................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:........................................

.................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:..................................................................................................

Giấy phép nhập khẩu số *(nếu có)*: ...................... ngày........ tháng........ năm 20...

Do cơ quan .......................................................................................................cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:..................................

............................................... do cơ quan ........................................................cấp.

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số..........................ngày.........tháng........năm 200......

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20...* **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**8. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người.**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm Hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần. **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 9- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.*

**- Xuất trình bản chính loại giấy tờ sau đây để UBND huyện, thành phố, thị xã kiểm tra:**

*Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết**: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND huyện, thành phố, thị xã.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí:** Có

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

- Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 9- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ **về lệ phí trước bạ**.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 09- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

Kính gửi : Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã……………

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu ……......................................................................................

- Trụ sở chính: (1)…………………..……………………..………………

- Điện thoại:…………………..……..Email:…………….………………..

Hiện nay là chủ sở hữu phương tiện:..............................Số đăng ký:......................

do............................................................. cấp ngày........ tháng........ năm ..............

có đặc điểm cơ bản như sau:

Công dụng:................................................ Ký hiệu thiết kế:.........................

Năm và nơi đóng:....................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:................................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:..................m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:................m

Chiều cao mạn:......................................m Chiều chìm:.............................m

Mạn khô:...............................................m Trọng tải toàn phần:................tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:..........................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ........................................ .................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:..................................................................................................

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa với lý do:............................................................................................................................

.................................................................................................................................

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*  **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**9. Xoá đăng ký phương tiện thuỷ nội địa phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người.**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì Trung tâm thông báo bằng văn bản cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để giải quyết theo quy định.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm Hành chính công trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công thuộc UBND cấp huyện

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần. **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

*+ Đơn đề nghị xoá đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 10 Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 )*

*+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa đã được cấp (bản chính).*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND huyện, thành phố, thị xã.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận xóa đăng ký.

**8. Lệ phí:** Không

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

Đơn đề nghị xoá đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 10 Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 ).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải Quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 10- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

Kính gửi : Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã……………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký......................................…… đại diện cho các đồng sở hữu ……………………………….............................................................

- Trụ sở chính: (1)………………………………..…………………......……

- Điện thoại:………………….............Email:……….…………….....….…..

Đề nghị cơ quan đăng ký xóa phương tiện thủy nội địa

**có đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện:................................... Số đăng ký:..................... ............

Công dụng:............................................ Ký hiệu thiết kế:.............. ............

Năm và nơi đóng:.................................................................................... . ..........

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:...................... ...........

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:........... .........m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:........ ..........m

Chiều cao mạn:......................................m Chiều chìm:.................... ...........m

Mạn khô:...............................................m Trọng tải toàn phần:........ .........tấn

Số người được phép chở:................người Sức kéo, đẩy:............................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:

.............................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:................................................................................................

Nay đề nghị Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã………….. xoá đăng ký lại phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký:…………………………………………………………

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 200....*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa cỏ hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**PHẦN III. NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

**I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

**1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ: Nếu không đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh; nếu đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ sau đó viết phiếu hẹn.

Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã nơi có phương tiện hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 2- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện, đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (theo mẫu số 3- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014).*

**- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để UBND xã, phường, thị trấn kiểm tra:**

*+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;*

*+ Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;*

*+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;*

*+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;*

*+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.*

*- Trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết:** **02** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND xã, phường, thị trấn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí: Có**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

- Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

*- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 2- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.*

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 02- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*( Dùng cho phương tiện chưa khai thác, đăng ký lần đầu)*

Kính gửi : Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn……………

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu ……...........................................................................................

- Trụ sở chính:(1)…………………………..…………………....……………

- Điện thoại:…………………..………..Email:……………….....…………..

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thuỷ nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện:................................... Ký hiệu thiết kế:.................................

Công dụng:..................................................................................................................

Năm và nơi đóng:........................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:....................................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:......................m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:...................m

Chiều cao mạn:.....................................m Chiều chìm:.................................m

Mạn khô:...............................................m Trọng tải toàn phần:...................tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:..............................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:.............................................

.....................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:......................................................................................................

Giấy phép nhập khẩu số *(nếu có)*: ...................... ngày........ tháng........ năm 20.........

Do cơ quan ............................................................................................................cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:.......................................

............................................... do cơ quan ..............................................................cấp.

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số..........................ngày.........tháng........năm 200...........

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20...* **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu

Mẫu số 03- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 05 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 mã lực hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …...............................................................… đại diện cho các đồng sở hữu …….........................................................................……

- Trụ sở chính (1):…………………………………………….....……………..

- Điện thoại:………………..………..Email:…………………......................…

Loại phương tiện: ......................................................................................................

Vật liệu đóng phương tiện: ........................................................................................

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (.............x.........x...........x..........) m

Máy (loại, công suất):........................................../................................................(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:.......................................tấn.

b) Sức chở người:.........................................người.

Tình trạng thân vỏ:...................................................................................................

Tình trạng hoạt động của máy: ................................................................................

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:…...mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.............. (chiếc); Loại ..................................................

Đèn tín hiệu: .............................................................................................................

Tôi cam đoan Tổ chức hoặc cá nhân các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu

**2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ: Nếu không đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh; nếu đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ sau đó viết phiếu hẹn.

Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã nơi có phương tiện hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

\* ***Đối với phương tiện đang khai thác trước ngày 01/01/2005:***

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 4- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện, đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (theo mẫu số 3- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014).*

**- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để UBND xã, phường, thị trấn kiểm tra:**

*+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;*

*+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường họp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.*

**\* Đối với phương tiện được đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005:**

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 4- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện, đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (theo mẫu số 3- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014).*

**- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để UBND xã, phường, thị trấn kiểm tra:**

*+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;*

*+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường họp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.*

*+ Bản chính của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết**: **02** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND xã, phường, thị trấn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí: Có**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

- Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

*- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 4- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện, đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (theo mẫu số 3- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014).*

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.*

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 04- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*( Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)*

Kính gửi : Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn………………

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu …….........................................................................................

- Trụ sở chính :(1)……………………….………………………..…………

- Điện thoại:…………………..………..Email:…………………...………..

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thuỷ nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện:................................... Chiều cao mạn:....................................m

Năm hoạt động:……………………… Chiều chìm:..........................................m

Công dụng:............................................ Mạn khô:..............................................m

Năm và nơi đóng:................................ Trọng tải toàn phần:.................tấn

Vật liệu vỏ:........................... Số người được phép chở:.......người

Chiều dài lớn nhất:............m Sức kéo, đẩy:...........................tấn

Chiều rộng lớn nhất:.........m

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: …………………………….

......................................................................................................................................

Máy phụ *(nếu có)*:.........................................................................................................

Phương tiện này được (Mua lại, hoặc đóng tại ...):……………………...………….

……...……….............(Cá nhân hoặc tổ chức)........................................................

Địa chỉ : .................................................................................................................

Thời gian (Mua, tặng, đóng)…….…. .. ngày........ tháng ....... năm 20.....

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số .......... ngày ....... tháng .........năm 20....

Nay đề nghị UBND xã, phường, thị trấnđăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| Xác nhận của đại diện chính quyền địa phương cấp phường, xã  *(Nội dung: Xác nhận ông, bà ……………………đăng ký hộ khẩu*  *thường trú tại địa phương có phương tiện nói trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)*  *(Ký tên, đóng dấu)* | *Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*  **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu

Mẫu số 03- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 05 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 mã lực hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …...............................................................… đại diện cho các đồng sở hữu ……..........................................................................……

- Trụ sở chính (1):……………………………………………....……………..

- Điện thoại:………………..………..Email:………………….....................…

Loại phương tiện: .....................................................................................................

Vật liệu đóng phương tiện: .......................................................................................

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (.............x..........x.........x..........) m

Máy (loại, công suất):........................................../...............................................(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:.......................................tấn.

b) Sức chở người:.........................................người.

Tình trạng thân vỏ:....................................................................................................

Tình trạng hoạt động của máy: .................................................................................

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:…...mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.............. (chiếc); Loại ...............................................

Đèn tín hiệu: ...........................................................................................................

Tôi cam đoan Tổ chức hoặc cá nhân các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu

**3. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.**

**1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ: Nếu không đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh; nếu đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ sau đó viết phiếu hẹn.

Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã nơi có phương tiện hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 6- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa đã được cấp;*

*+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện, đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (theo mẫu số 3- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014).*

**- Xuất trình bản chính loại giấy tờ sau đây để UBND xã, phường, thị trấn kiểm tra:**

*Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết:** **02** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** UBND xã, phường, thị trấn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí: Có**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

- Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

*- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 6- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện, đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (theo mẫu số 3- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014).*

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.*

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 06- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*( Dùng cho phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật)*

Kính gửi : Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn…………….

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu ……..........................................................................................

- Trụ sở chính: (1)…………………….…………………………..…………

- Điện thoại:…………………..……..Email:…………………...…………..

**Đang là chủ sở hữu phương tiện có đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: Số đăng ký:.......................

do............................................................. cấp ngày........ tháng........ năm ................

Công dụng:................................................ Ký hiệu thiết kế:................

Năm và nơi đóng:......................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:...................................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:....................m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:..................m

Chiều cao mạn:......................................m Chiều chìm:................................m

Mạn khô:................................................m Trọng tải toàn phần:.......tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:...................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ........................................

.................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:..................................................................................................

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện trên với lý do:.................................

.................................................................................................................................. *(Nêu các thông số kỹ thuật thay đổi của phương tiện xin đăng ký lại)*

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Mẫu số 03- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 05 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 mã lực hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ….............................................................… đại diện cho các đồng sở hữu ……...............................................................................……

- Trụ sở chính (1):……………………………………………….…………..

- Điện thoại:………………..………..Email:…………………..................…

Loại phương tiện: ...................................................................................................

Vật liệu đóng phương tiện: .....................................................................................

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (.............x.........x.........x..........) m

Máy (loại, công suất):............................................./............................................(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:......................................tấn.

b) Sức chở người:.........................................người.

Tình trạng thân vỏ:....................................................................................................

Tình trạng hoạt động của máy: .................................................................................

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:…...mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.............. (chiếc); Loại ..................................................

Đèn tín hiệu: .............................................................................................................

Tôi cam đoan Tổ chức hoặc cá nhân các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 200......*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu

**4. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký.**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ: Nếu không đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh; nếu đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ sau đó viết phiếu hẹn.

Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã nơi có phương tiện hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 7- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa đã được cấp;*

**- Xuất trình bản chính loại giấy tờ sau đây để UBND xã, phường, thị trấn kiểm tra:**

*+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường họp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trinh giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;*

*+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết**: **02** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND xã, phường, thị trấn

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí**: Có

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

- Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

*Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 7- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014).*

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.*

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 07- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*( Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

Kính gửi : Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn……………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu ……..........................................................................................

- Trụ sở chính: (1)……………………..……………………..………………

- Điện thoại:…………………………..Email:………………..……………..

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký lại phương tiện thuỷ nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện:.................................... Số đăng ký:...................................

Công dụng:................................................ Ký hiệu thiết kế:............................

Năm và nơi đóng:........................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:....................................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:.....................m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:..................m

Chiều cao mạn:.....................................m Chiều chìm:................................m

Mạn khô:..............................................m Trọng tải toàn phần:...................tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:.............................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ............................................

.....................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:......................................................................................................

Phương tiện này được *(Mua lại, hoặc điều chuyển.)*:..................................................

.................................. từ *(Ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)*.............................................

Địa chỉ:...................................................................................................................

Đã đăng ký tại................................................... ngày........ tháng........ năm ...........

Nay đề nghị.............................................................. đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**5. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký.**

**1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ: Nếu không đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh; nếu đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ sau đó viết phiếu hẹn.

Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã nơi có phương tiện hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 7- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;*

**- Xuất trình bản chính loại giấy tờ sau đây để UBND xã, phường, thị trấn kiểm tra:**

*+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trinh giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;*

*+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết**: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** UBND xã, phường, thị trấn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí:** có

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

- Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):** có

*Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 7- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014)*

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.*

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 07- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

Kính gửi : Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn……………

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu …….........................................................................................

- Trụ sở chính: (1)……………………..………………….…………………

- Điện thoại:…………………………..Email:…………….………………..

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký lại phương tiện thuỷ nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện:.................................... Số đăng ký:................................

Công dụng:................................................ Ký hiệu thiết kế:.........................

Năm và nơi đóng:.....................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:..................................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:...................m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:................m

Chiều cao mạn:.....................................m Chiều chìm:..............................m

Mạn khô:..............................................m Trọng tải toàn phần:...............tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:..........................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ..........................................

...................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:....................................................................................................

Phương tiện này được *(Mua lại, hoặc điều chuyển.)*:.................................................

.................................. từ *(Ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)*...........................................

Địa chỉ:..................................................................................................................

Đã đăng ký tại................................................... ngày........ tháng........ năm ..........

Nay đề nghị.............................................................. đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**6. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.**

**1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ: Nếu không đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh; nếu đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ sau đó viết phiếu hẹn.

Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã nơi có phương tiện hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 8- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.*

**- Xuất trình bản chính loại giấy tờ sau đây để UBND xã, phường, thị trấn kiểm tra:**

*Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết: 02** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND xã, phường, thị trấn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí: Có**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa

- Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

*Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 8- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014)*

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.*

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 08- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*( Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn……………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu ……........................................................................................

- Trụ sở chính: (1)……..…………….…………………...…………………

- Điện thoại:…………........................…..Email:………..................……….

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện có đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: ........................................... Số đăng ký:............................

do............................................................. cấp ngày......... tháng.......... năm ..............

Công dụng:............................................. Ký hiệu thiết kế:............................

Năm và nơi đóng:.......................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:...................................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:....................m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:..................m

Chiều cao mạn:.....................................m Chiều chìm:...............................m

Mạn khô:..............................................m Trọng tải toàn phần:.................tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:............................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:

...................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:....................................................................................................

Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện trên theo địa chỉ mới là:..................................

....................................................................................................................................

*( Nêu lý do thay đổi địa chỉ )*

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**7. Cấp lại giấy chứng nhận, đăng ký phương tiện thuỷ nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ: Nếu không đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh; nếu đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ sau đó viết phiếu hẹn.

Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã nơi có phương tiện hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

*+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 5- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển;*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện, đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (theo mẫu số 3- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014).*

**- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để UBND xã, phường, thị trấn kiểm tra:**

*+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;*

*+ Hợp đồng mua bán phương tiện, hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;*

*+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;*

*+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết:** **02** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND xã, phường, thị trấn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí: Có**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

- Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

*- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 5- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện, đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (theo mẫu số 3- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014).*

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.*

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

*Mẫu số 05- Thông tư* *số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

*( Dùng cho phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan*

*đăng ký phương tiện thủy nội địa)*

Kính gửi : Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn…………….

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu …….............................................................................

- Trụ sở chính:(1)………………………….………………………………

- Điện thoại:…………………..………..Email:…………………………..

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thuỷ nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện:................................... Ký hiệu thiết kế:.......................

Công dụng:..............................................................................................................

Năm và nơi đóng:....................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:...........................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:............m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:..........m

Chiều cao mạn:......................................m Chiều chìm:........................m

Mạn khô:...............................................m Trọng tải toàn phần:.........tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:....................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:........................................

.................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:..................................................................................................

Giấy phép nhập khẩu số *(nếu có)*: ...................... ngày........ tháng........ năm 20...

Do cơ quan .......................................................................................................cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:..................................

............................................... do cơ quan ........................................................cấp.

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số..........................ngày.........tháng........năm 200......

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20...* **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Mẫu số 03- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 05 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 mã lực hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …..............................................................… đại diện cho các đồng sở hữu ……........................................................................……

- Trụ sở chính (1):……………………………………………...……………..

- Điện thoại:………………..………..Email:……………………....................

Loại phương tiện: ....................................................................................................

Vật liệu đóng phương tiện: ......................................................................................

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (.............x..........x.........x..........) m

Máy (loại, công suất):............................................./.............................................(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:...................................tấn.

b) Sức chở người:.........................................người.

Tình trạng thân vỏ:....................................................................................................

Tình trạng hoạt động của máy: ..................................................................................

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:…...mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.............. (chiếc); Loại ..................................................

Đèn tín hiệu: .............................................................................................................

Tôi cam đoan Tổ chức hoặc cá nhân các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 200......*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu

**8. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người.**

**1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ: Nếu không đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh; nếu đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ sau đó viết phiếu hẹn.

Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã nơi có phương tiện hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

**- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**

*+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 9- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

*+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;*

*+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.*

**- Xuất trình bản chính loại giấy tờ sau đây để UBND xã, phường, thị trấn kiểm tra:**

*Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết**: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND xã, phường, thị trấn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**8. Lệ phí:** Có

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

- Mức lệ phí: 70.000 đồng/giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

*Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 9- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014);*

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.*

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thuỷ nội địa và đường sắt.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 09- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

Kính gửi : Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn……………

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………................................................ đại diện cho các đồng sở hữu ……........................................................................................

- Trụ sở chính: (1)…………………..……………………………...………

- Điện thoại:…………………..……..Email:……………………..………..

Hiện nay là chủ sở hữu phương tiện:..............................Số đăng ký:.......................

do............................................................. cấp ngày........ tháng........ năm ................

có đặc điểm cơ bản như sau:

Công dụng:................................................ Ký hiệu thiết kế:............................

Năm và nơi đóng:.......................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:....................................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:.....................m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:...................m

Chiều cao mạn:......................................m Chiều chìm:................................m

Mạn khô:...............................................m Trọng tải toàn phần:..................tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:...................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: .......................................... ...................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:.....................................................................................................

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa với lý do:............................................................................................................................

.................................................................................................................................

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20......*  **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**9. Xoá đăng ký phương tiện thuỷ nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người.**

**1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ: Nếu không đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh; nếu đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ sau đó viết phiếu hẹn.

Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã nơi có phương tiện hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

*+ Đơn đề nghị xoá đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 10 Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 )*

*+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuỷ nội địa đã được cấp (bản chính).*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức hoặc cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: UBND xã, phường, thị trấn

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận xóa đăng ký.

**8. Lệ phí:** Không

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):**

*- Đơn đề nghị xoá đăng ký phương tiện thuỷ nội địa (theo mẫu số 10 Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 ).*

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.*

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa 2004.

- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thuỷ nội địa.

Mẫu số 10- *Thông tư* *số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ**

**PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA**

Kính gửi : Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn……………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký......................................…… đại diện cho các đồng sở hữu ………………………………..............................................................

- Trụ sở chính: (1)………………………………........………………………

- Điện thoại:…………………..Email:………………...................…………..

Đề nghị cơ quan đăng ký xóa phương tiện thủy nội địa

**có đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện:................................... Số đăng ký:...................................

Công dụng:............................................ Ký hiệu thiết kế:............................

Năm và nơi đóng:...................................................................................................

Cấp tàu:................................................. Vật liệu vỏ:....................................

Chiều dài thiết kế:.................................m Chiều dài lớn nhất:......................m

Chiều rộng thiết kế:...............................m Chiều rộng lớn nhất:...................m

Chiều cao mạn:......................................m Chiều chìm:.................................m

Mạn khô:................................................m Trọng tải toàn phần:.........tấn

Số người được phép chở:.................người Sức kéo, đẩy:...................tấn

Máy chính *( Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:

.................................................................................................................................

Máy phụ *( Nếu có)*:...................................................................................................

Nay đề nghị UBND xã, phường, thị trấn…………… xoá đăng ký lại phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký:…………………………………………………………

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

*Hà Tĩnh, ngày ........tháng.......năm 20....*

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.